

Số: /KH-UBND

Nam Thanh Miện, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Nâng cao chất lượng giáo dục và nâng cấp cơ sở vật chất trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Nam Thanh Miện, giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 19-KH/ĐU, ngày 10/11/2025 của Đảng ủy xã Nam Thanh Miện về việc nâng cao chất lượng giáo dục và nâng cấp cơ sở vật chất trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Nam Thanh Miện, giai đoạn 2025 – 2030; Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai việc nâng cao chất lượng giáo dục và nâng cấp cơ sở vật chất trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Nam Thanh Miện, giai đoạn 2025 – 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch của Đảng ủy xã về phát triển giáo dục đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện địa phương để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất các trường học.

- Xác định rõ trách nhiệm của UBND xã, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2025 – 2030

1. Mục tiêu tổng quát

- Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững kết quả phổ cập, trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để các em phát triển hài hòa cả về thể chất, trí tuệ và nhân cách. Chất lượng đại trà, chất lượng Hội thi giáo viên, chất lượng học sinh giỏi nằm trong 40/114 xã, phường, đặc khu của thành phố Hải Phòng. Tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc (HTXS) và hoàn thành tốt (HTT), học sinh khá - giỏi đạt 85%.

- Đầu tư nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại, đạt chuẩn quốc gia, tạo môi trường giáo dục thân thiện, an toàn và hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030, có 02 trường giữ vững trường đạt chuẩn mức độ 2 và 3/10 trường phấn đấu nâng chuẩn từ mức độ 1 lên mức độ 2;

- Tăng cường xã hội hóa giáo dục và huy động nguồn lực hợp pháp cho giáo dục
- Chuyển đổi số đạt 100%: Học bạ điện tử, giáo án điện tử, phần mềm quản lý học sinh, hệ thống học và thi trực tuyến (K12Online), chữ ký số áp dụng toàn bộ; tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) vào STEM/STEAM¹ ở 90% lớp học THCS và 60% lớp học tiểu học.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trên 50% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.
- Chất lượng giáo dục đại trà tăng hàng năm; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình các cấp đạt 98% trở lên.
- Nâng cấp phòng học, khuôn viên, phòng chức năng, bếp ăn bán trú, thư viện, sân chơi - bãi tập, nhà vệ sinh... theo chuẩn mới đúng lộ trình.
- Bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học đạt 100% yêu cầu tối thiểu.
- Hoàn thành lộ trình trường chuẩn quốc gia đối với cả 03 cấp học.

2.1. Giai đoạn 2025-2028

2.1.1. Chất lượng học sinh

- 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non; ít nhất 98% học sinh hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông;
- Hằng năm, có 98% học sinh đánh giá xếp loại cả năm về học tập và rèn luyện đạt mức “Hoàn thành” trở lên (đối với tiểu học) và mức “Đạt” trở lên (đối với trung học cơ sở);
- Học sinh HTXS và HTT đạt 75% (tiểu học), 80% (THCS).

2.1.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên

- 100% giáo viên đạt chuẩn và trên 30% trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019;
- 100% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra, đánh giá;
- 100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng định kỳ về chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao năng lực số.

2.1.3. Cơ sở vật chất

- Xóa 70% phòng bán kiên cố; xây mới 42 phòng (học, bộ môn, đa năng);

¹ **STEM**: khi nói về hoạt động thí nghiệm, mô hình kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, năng lực khoa học.
STEAM: khi hoạt động yêu cầu sáng tạo, mỹ thuật, thiết kế, trình bày hoặc gắn với các môn nghệ thuật.

- Đảm bảo đủ phòng học; 70% phòng học kiên cố, đủ ánh sáng, thoáng mát;
- 100% phòng học được trang bị thiết bị kỹ thuật phục vụ dạy và học như: Máy chiếu đa năng, tivi hoặc bảng tương tác thông minh...;
- 100% các trường có thư viện đạt chuẩn, 30% thư viện tiên tiến;
- Đảm bảo đủ 100% phòng học bộ môn theo quy định, trong đó mỗi trường được trang bị ít nhất 01 phòng học bộ môn thông minh;
- Nâng cấp, xây dựng mới khu vực sân chơi, bãi tập đảm bảo an toàn, có cây xanh bóng mát, có các thiết bị vui chơi ngoài trời;
- Có ít nhất một nhà đa năng cho mỗi cấp học Mầm non, Tiểu học, THCS;
- Các trường đều được đầu tư thiết bị PCCC đảm bảo đúng quy định;
- 80% trường có camera, thiết bị họp trực tuyến, hệ thống học và thi trực tuyến....

2.1.4. Chuyển đổi số

- 90% trường áp dụng học bạ điện tử và chữ ký số;
- 100% giáo án điện tử;
- 80% trường dùng phần mềm quản lý học sinh và hệ thống học, thi trực tuyến;
- 60% lớp học số hóa²;
- 50% lớp THCS, 20% lớp Tiểu học triển khai STEM/STEAM tích hợp AI.

2.2. Giai đoạn 2029 - 2030

2.2.1. Chất lượng học sinh

- 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non; ít nhất 99% học sinh hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông;

² - Cơ sở vật chất – thiết bị: Có máy tính/máy chiếu/tivi thông minh phục vụ giảng dạy. Có kết nối Internet ổn định. Có phần mềm hỗ trợ dạy học số (Zoom, MS Teams, Google Classroom, VNPT E-learning, Viettel Study...).

- Học liệu số: Giáo án điện tử, bài giảng e-learning. Tài liệu, bài tập, ngân hàng câu hỏi được lưu trữ và chia sẻ trên nền tảng số. Học sinh có thể tiếp cận tài liệu học tập qua điện thoại/máy tính bảng/máy tính.

- Hoạt động dạy – học số: Một phần hoặc toàn bộ các hoạt động đánh giá, bài tập, kiểm tra được thực hiện trực tuyến. Giáo viên sử dụng công cụ số trong giảng dạy: trình chiếu, trò chơi tương tác, phần mềm mô phỏng...

- Quản lý lớp học trên môi trường số: Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, theo dõi chuyên cần trực tuyến. Trao đổi nhà trường – giáo viên – phụ huynh qua nền tảng số.

- Hằng năm, có 98% học sinh đánh giá xếp loại cả năm về học tập và rèn luyện đạt mức “Hoàn thành” trở lên (đối với tiểu học) và mức “Đạt” trở lên (đối với trung học cơ sở);

- Học sinh HTXS và HTT đạt 80% (tiểu học), 85% (THCS).

2.2.2. *Chất lượng đội ngũ giáo viên*

- 100% giáo viên đạt chuẩn và từ 50% trở lên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019;

- 100% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra, đánh giá;

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng định kỳ về chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao năng lực số.

2.2.3. *Cơ sở vật chất*

- Xây mới 26 phòng (học, bộ môn, đa năng);

- Đảm bảo đủ phòng học; 100% phòng học kiên cố, đủ ánh sáng, thoáng mát;

- 100% phòng học được trang bị thiết bị kỹ thuật phục vụ dạy và học như: Máy chiếu đa năng, tivi hoặc bảng tương tác thông minh...;

- 100% các trường có thư viện đạt chuẩn, 50% thư viện tiên tiến;

- Đảm bảo đủ 100% phòng học bộ môn theo quy định, trong đó mỗi trường được trang bị ít nhất 01- 02 phòng học bộ môn thông minh;

- 100% các trường có khu vực sân chơi, bãi tập có mái che đảm bảo an toàn, có cây xanh bóng mát, có các thiết bị vui chơi ngoài trời;

- 100% các trường đều có nhà đa năng hiện đại;

- Các trường đều được đầu tư thiết bị PCCC đảm bảo đúng quy định;

- 100% trường có hệ thống camera thông minh.

2.2.4. *Chuyển đổi số*

- 100% trường áp dụng học bạ điện tử và chữ ký số;

- 100% giáo án điện tử;

- 100% trường dùng phần mềm quản lý học sinh và K12Online;

- 80% lớp học số hóa; 90% lớp THCS và 60% lớp tiểu học tích hợp AI vào STEM/STEAM; 20% lớp mầm non dùng ứng dụng học tập tương tác.

(Xem chi tiết tại phụ lục 1, đính kèm Kế hoạch này).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ vào tình hình thực tế và mục tiêu đã xác định, kế hoạch đề ra các nhóm nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể theo từng cấp học, từng giai đoạn, nhằm đảm bảo tính khả thi và bền vững.

1. Nhiệm vụ chính

- Về chất lượng giáo dục: Nâng cao giáo dục mũi nhọn và giáo dục toàn diện; tăng cường công tác bán trú, y tế học đường và tăng cường hoạt động ngoại khóa, đặc biệt giáo dục STEM/STEAM.

- Về phát triển đội ngũ: Tạo điều kiện giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp; tăng cường kỹ năng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học.

- Về CSVC: Rà soát, tham mưu đề xuất cấp trên hỗ trợ đầu tư: cải tạo, xây mới phòng học, bộ môn, vệ sinh, sân bãi; đảm bảo 100% trường đạt chuẩn, có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu tối thiểu, Lắp đặt thiết bị PCCC, camera; xây dựng trường học xanh.

- Về công tác xã hội hóa: Vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm tham gia hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn

- Tăng cường kiểm tra công tác giáo dục tại các trường học;

- Về Chuyển đổi số: Triển khai học bạ điện tử, chữ ký số, giáo án điện tử, phần mềm quản lý học sinh, K12Online; tích hợp AI vào STEM/STEAM;

2. Nâng cao chất lượng giáo dục

2.1. Đối với công tác quản lý

- Chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với Ban lãnh đạo nhà trường nhằm phát huy vai trò quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc của người đứng đầu cơ quan trường học. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển dụng, hợp đồng đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo biên chế được giao, đảm bảo bố trí đủ giáo viên để dạy 2 buổi/ngày theo quy định;

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các trường; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, cập nhật dữ liệu lên hệ thống dữ liệu chung ngành, áp dụng công nghệ vào quản lý hồ sơ giáo viên, học sinh, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; sử dụng các phần mềm chuyên dùng trong quản lý điều hành văn bản, tăng cường tập huấn trực tuyến... Quan tâm đến công tác cán bộ chú trọng việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục được tiến hành theo quy định và Điều lệ nhà trường đảm bảo nguyên tắc dân chủ và được coi trọng về năng lực chuyên môn, năng lực quản lý chỉ đạo thực tế. Thực hiện việc luân chuyển cán bộ quản lý thường xuyên theo Điều lệ nhà trường và luân chuyển theo yêu cầu công tác, theo năng lực quản lý và cơ cấu bộ môn. Thực hiện việc đánh giá, xếp loại hằng năm theo quy định. Kiên quyết không

bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ, bị kỷ luật, không còn đủ tiêu chuẩn hoặc năng lực hạn chế;

- Gắn rõ vai trò, trách nhiệm trong công tác, chỉ đạo, quản lý với trách nhiệm của Ban giám hiệu các trường về chất lượng giáo dục của nhà trường;

- Quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ chính sách đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Ủy ban nhân dân xã, Ban giám hiệu các trường thực hiện chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với cán bộ, giáo viên có những mô hình hay, ý tưởng sáng tạo, có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và giảng dạy như: Biểu dương gương người tốt việc tốt, tăng lương trước hạn,...;

- Các trường chủ động trong công tác xây dựng nội quy, quy chế nhà trường, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật và hình thành thói quen chấp hành các quy định pháp luật cho học sinh;

- Chính quyền, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể quan tâm đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài trong nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên những học sinh có thành tích học tập tốt, đạt giải tại các kỳ thi. Qua đó tiếp thêm động lực để các em đến trường và phát huy tiềm năng, khơi dậy ý chí vươn lên của học sinh.

2.2. Đối với đội ngũ giáo viên

- Quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của các cấp học theo quy định. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn định kỳ cho đội ngũ giáo viên nhằm củng cố, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng và tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới. Phấn đấu xây dựng được đội ngũ giáo viên nòng cốt cho mỗi cấp học, môn học;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ AI trong thiết kế bài giảng. Tích hợp bài giảng của nhà trường lên hệ thống ngân hàng bài giảng của Sở GD&ĐT Thành phố, đồng thời tham khảo, khai thác có hiệu quả các bài giảng trên hệ thống ngân hàng phục vụ vào xây dựng bài giảng của giáo viên các nhà trường để nâng cao chất lượng bài giảng;

- Thường xuyên quan tâm công tác bồi dưỡng đạo đức nhà giáo, nâng cao ý thức trách nhiệm, sự tâm huyết với nghề của mỗi giáo viên; xây dựng môi trường giáo dục văn minh, thân thiện, chuyên nghiệp;

- Quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức các Hội thi giáo viên giỏi cấp xã, hỗ trợ giáo viên tham gia Hội thi cấp Thành phố, nhằm tạo điều kiện cho giáo viên có điều kiện giao lưu, học hỏi để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm.

2.3. Nâng cao chất lượng học sinh

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể, như: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong tổ chức các hoạt động, nhằm giáo dục lý tưởng cách mạng, rèn luyện đạo đức, phẩm chất; tạo các sân chơi lành mạnh, bổ ích góp phần từng bước xây dựng và hình thành nhân cách cho học sinh;

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, xây dựng và duy trì các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ theo sở thích trong nhà trường như: Câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ truyền thông, câu lạc bộ múa, nhảy, cờ vua, âm nhạc... nhằm phát triển kỹ năng sống và năng khiếu của học sinh;

- Tổ chức Hội thi học sinh giỏi cấp xã, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội thi cấp Thành phố nhằm tạo điều kiện cho học sinh được giao lưu, học hỏi, thử sức và phát huy tối đa khả năng, sở trường của học sinh;

- Thực hiện tốt công tác động viên, công tác thi đua khen thưởng đối với những học sinh có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong năm học, học sinh tham gia và đạt giải cao tại các chương trình, hội thi do trường, xã, thành phố tổ chức.

3. Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở vật chất

3.1. Giai đoạn 1 (2025)

- Khảo sát thực trạng cơ sở vật chất các trường trên địa bàn xã, đánh giá và tổng hợp cơ sở vật chất đã xuống cấp, trang thiết bị còn thiếu so với nhu cầu;

- Tổng hợp và thống nhất các hạng mục, trang thiết bị cần được ưu tiên sửa chữa, nâng cấp và xây mới. Lựa chọn những công trình có quy mô, giá trị lớn đưa vào danh mục công trình trọng điểm đầu tư công.

3.2. Giai đoạn 2 (2026 - 2028)

- Sử dụng ngân sách nhà nước cho các công trình quan trọng; kêu gọi xã hội hóa, huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức, mạnh thường quân theo quy định;

- Ưu tiên trước những hạng mục xuống cấp có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của giáo viên, học sinh; quan tâm đến các công trình, trang thiết bị được xác định là cần thiết, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học cũng như đáp ứng các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia mức độ II, như phòng học, phòng bộ môn, nhà đa năng, khu sân chơi ngoài trời, sân thể thao...

*** Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:**

3.2.1. Mầm non

- *Nhiệm vụ:*

+ Xây mới: 21 phòng nuôi dưỡng (Hồng Phong: 4 phòng, Thanh Giang: 12 phòng, Chi Lăng Bắc: 5 phòng); 05 phòng phục vụ học tập (Hồng Phong: 3 phòng; Chi Lăng Bắc: 02 phòng); 18 nhà vệ sinh (Hồng Phong: 4 phòng, Thanh Giang: 8 phòng; Chi Lăng Nam: 3 phòng, Chi Lăng Bắc: 3 phòng);

+ Cải tạo sửa chữa một số phòng nuôi dưỡng; phòng phục vụ học tập; nhà vệ sinh và các công trình khác.

+ Trang bị đồ chơi ngoài trời, thiết bị PCCC, camera, thiết bị K12Online cho 80% trường;

+ Triển khai ứng dụng học tập tương tác (KidSmart) cho 10% lớp; giáo án điện tử, chữ ký số cho 30% giáo viên; tham gia tập huấn chữ ký số theo Kế hoạch 6426/KH-SGDĐT.

- *Giải pháp:*

+ Đề xuất nguồn ngân sách cấp từ Thành phố, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác;

+ Tập huấn 20 giáo viên/năm về giáo dục sớm, chữ ký số, sử dụng K12Online (hợp tác ĐH Sư phạm Hải Phòng, Sở GD&ĐT);

+ Triển khai phần mềm SMAS và K12Online tại 50% trường, đảm bảo kết nối hội nghị trực tuyến theo Công văn 6539/SGDĐT-VP;

+ Quy hoạch sân chơi xanh, trồng 200 cây bóng mát.

- *Chỉ tiêu:* Trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào tiểu học 85%; sân chơi đạt chuẩn 70%; 50% trường dùng SMAS/K12Online (Hệ thống quản lý nhà trường/Hệ thống giáo dục trực tuyến)

3.2.2. Tiểu học

- *Nhiệm vụ:*

+ Xây mới: 9 phòng học (Hồng Phong: 3 phòng; Thanh Giang 6 phòng); 05 phòng học bộ môn (Hồng Phong: 03 phòng, Chi Lăng Bắc: 02 phòng); 02 nhà vệ sinh (Chi Lăng Bắc).

+ Cải tạo sửa chữa một số phòng học; phòng bộ môn, nhà vệ sinh và công trình khác.

+ Trang bị projector (máy chiếu), máy tính, thiết bị K12Online cho 100% lớp; triển khai học bạ điện tử, chữ ký số cho 50% trường; giáo án điện tử 60% theo Công văn 6538/SGDĐT-GDMN và GDTH;

+ Xây dựng 08 phòng máy học tiếng Anh và tin học;

+ Tích hợp AI vào STEM (lập trình Scratch) cho 20% lớp.

- *Giải pháp:*

+ Đề xuất nguồn ngân sách cấp từ Thành phố, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác;

+ Tập huấn 100 giáo viên/năm về CTGDPT 2018, STEM/STEAM tích hợp AI, chữ ký số, sử dụng K12Online;

+ Triển khai EMIS, K12Online, học bạ điện tử cho 50% trường, đảm bảo lưu trữ hồ sơ số theo Thông tư 08/2025/TT-BGDĐT;

+ Tặng ngoại khóa thể chất, STEM lên 20%.

- *Chỉ tiêu:* Học sinh HTXS và HTT nhiệm vụ học tập đạt 75%; 100% trường dùng học bạ điện tử/K12Online; 20% lớp tích hợp AI.

3.2.3. THCS

- *Nhiệm vụ:*

+ Xây mới: 15 phòng học (Hồng Phong) 09 phòng bộ môn (Hồng Phong: 02 phòng; Chi Lăng Bắc: 02 phòng), 02 nhà vệ sinh (Hồng Phong); cải tạo sân bãi trường THCS Hồng Phong;

+ Cải tạo sửa chữa một số phòng học, phòng bộ môn, nhà vệ sinh và công trình khác;

+ Trang bị thiết bị STEM (máy tính, bộ thí nghiệm), K12Online; triển khai học bạ điện tử, chữ ký số 80% trường; giáo án điện tử 100%;

+ Tích hợp AI vào STEM/STEAM (mô phỏng khoa học) cho 30% lớp theo Công văn số 5875/SGDĐT-GDTrH và 5878/SGDĐT-GDTrH.

- *Giải pháp:*

+ Đề xuất nguồn ngân sách cấp từ Thành phố, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác;

+ Đào tạo 50 giáo viên về STEM/STEAM, AI, chữ ký số, K12Online (phối hợp với Sở GD&ĐT);

+ Triển khai EMIS, K12Online, sách giáo khoa số cho 50% trường;

+ Tặng câu lạc bộ STEM, ngoại khóa cho 60% học sinh.

- *Chỉ tiêu:* Đỗ tốt nghiệp 99%; STEM tích hợp AI 30%; 50% trường dùng học bạ điện tử/K12Online.

* ***Giải pháp chung giai đoạn:***

- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số giáo dục xã, do Phó Chủ tịch UBND phụ trách;

- Báo cáo tiến độ quý lên UBND Thành phố và Sở GD&ĐT qua K12Online;

- Tập huấn PCCC, kỹ năng số, chữ ký số hằng năm cho 100% giáo viên;

- Phối hợp doanh nghiệp công nghệ (VNPT, FPT, Viettel) cung cấp phần mềm quản lý, giáo án điện tử, K12Online.

3.3. Giai đoạn 3 (2029 - 2030)

- Tập trung hoàn thiện các công trình đã được ưu tiên, quan tâm đầu tư nhằm đảm bảo các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia mức độ II theo quy định;

- Hiện đại hóa các trang thiết bị dạy học như: Bảng tương tác thông minh/tivi, máy chiếu, máy tính kết nối internet cho các phòng học và phòng bộ môn. Cung cấp đầy đủ các dụng cụ, học liệu cho học sinh, đặc biệt là đồ dùng thực hành cho các môn khoa học.

Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

3.3.1. Mầm non

- *Nhiệm vụ:*

+ Xây mới: 04 phòng phục vụ học tập (Thanh Giang: 03 phòng; Chi Lăng Nam: 01 phòng); 06 nhà vệ sinh (Thanh Giang: 04; Chi Lăng Bắc: 02)

+ Cải tạo sửa chữa một số phòng nuôi dưỡng; phòng phục vụ học tập; nhà vệ sinh và các công trình khác.

+ Quy hoạch vườn cổ tích, sân chơi xanh 100% trường;

+ Triển khai ứng dụng học tập tương tác (KidSmart, Montessori số) cho 20% lớp; học bạ điện tử, chữ ký số, SMAS, K12Online 100% trường.

- *Giải pháp:*

- + Đề xuất nguồn ngân sách cấp từ Thành phố, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác;
- + Đào tạo 30 giáo viên về giáo dục bền vững, chữ ký số, K12Online;
- + Tích hợp ứng dụng học tập cho trẻ 4-5 tuổi; sử dụng K12Online cho hội nghị trực tuyến;
- + Trồng 500 cây bóng mát; sử dụng vật liệu xanh.
- *Chỉ tiêu:* 100% trẻ đạt chuẩn phát triển; 20% lớp dùng ứng dụng học tập; 100% trường số hóa.

3.3.2. *Tiểu học*

- *Nhiệm vụ:*

- + Xây mới: 3 nhà đa năng tại các trường Hồng Phong, Thanh Giang, Chi Lăng Bắc và hoàn thiện sân bãi mái che; bể bơi mini tại 4 trường học.
- + Cải tạo sửa chữa một số phòng học; phòng bộ môn, nhà vệ sinh và công trình khác.
- + Triển khai học bạ điện tử, chữ ký số, giáo án điện tử, EMIS, K12Online 100% trường;
- + Tích hợp AI vào STEM (lập trình, mô phỏng) cho 50% lớp.

- *Giải pháp:*

- + Đề xuất nguồn ngân sách cấp từ Thành phố, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác;
- + Tăng giờ ngoại ngữ, STEM 20%; đánh giá chất lượng quốc gia;
- + Phối hợp doanh nghiệp cung cấp nền tảng AI (Google Classroom, Scratch), K12Online;
- + Câu lạc bộ STEM, ngoại khóa cho 80% học sinh.
- *Chỉ tiêu:* Kỹ năng số 90%; ngoại khóa 80%; 100% trường số hóa.

3.3.3. *THCS*

- *Nhiệm vụ:*

- + Xây mới: 05 phòng bộ môn (Chi Lăng Nam); Xây nhà đa năng, sân bãi mái che cho 04 trường học.
- + Cải tạo sửa chữa một số phòng học; phòng bộ môn, nhà vệ sinh và công trình khác.
- + Triển khai học bạ điện tử, chữ ký số, giáo án điện tử, EMIS, K12Online 100% trường;
- + Tích hợp AI vào STEM/STEAM (mô phỏng khoa học, phân tích dữ liệu) cho 80% lớp theo Công văn 5875/SGDDĐT-GDTrH;
- + Đưa môn ngoại ngữ 2 vào giảng dạy.

- *Giải pháp:*

+ Đề xuất nguồn ngân sách cấp từ Thành phố, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác;

+ Đào tạo 20 cán bộ quản lý về lãnh đạo số; miễn phí sách giáo khoa số;

+ Phối hợp tổ chức hội thi STEM tích hợp AI cho 70% học sinh;

+ Tăng liên thông đại học, hướng nghiệp 70% học sinh;

- *Chỉ tiêu:* Học sinh giỏi đạt 85%; STEM tích hợp AI 80%; 100% trường số hóa.

*** Giải pháp chung giai đoạn:**

- Thành lập đội giám sát chuyển đổi số độc lập, có phụ huynh tham gia;

- Điều chỉnh kế hoạch dựa trên đánh giá hàng năm qua K12Online;

- Tích hợp AI trong quản lý (chấm điểm tự động, phân tích học lực);

- Truyền thông, vận động cộng đồng về chuyển đổi số và trường xanh.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì tham mưu UBND xã triển khai toàn bộ Kế hoạch.

- Là đầu mối liên hệ với Sở GD&ĐT, các trường học, các trạm Y tế, các đoàn thể.

- Hướng dẫn các trường thực hiện chế độ, chính sách, các chỉ tiêu thi đua giáo dục.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch; báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân xã.

2. Phòng Kinh tế

- Kiểm tra hằng năm tình trạng phòng học, nhà vệ sinh, công trình phụ trợ, trang thiết bị dạy học,

- Lập danh mục hạng mục cần sửa chữa, nâng cấp xây mới và bổ sung trang thiết bị dạy học từng năm;

- Tham mưu bố trí kinh phí hàng năm cho nhiệm vụ và xây dựng hồ sơ đề nghị Thành phố hỗ trợ vốn.

- Thẩm định dự toán, thanh quyết toán đúng quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị lập nhu cầu kinh phí theo đúng định mức.

- Tham mưu quy hoạch quỹ đất phục vụ mở rộng trường học, sân chơi, công trình phụ trợ.

- Thẩm tra các hồ sơ xây dựng, cải tạo CSVC các trường.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng thi công các hạng mục đã được phê duyệt.

- Phối hợp rà soát an toàn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm trong trường học.

3. Văn phòng HĐND-UBND xã

- Bố trí văn bản, theo dõi hồ sơ, lưu trữ đầy đủ tài liệu liên quan Kế hoạch.

- Tổng hợp số liệu định kỳ phục vụ báo cáo UBND xã và cấp trên.

4. Công an xã

- Đảm bảo an ninh trật tự trường học; phối hợp tuyên truyền ATGT, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường; hướng dẫn thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy;

- Hỗ trợ nhà trường trong công tác quản lý học sinh ngoài giờ, khu vực cổng trường.

5. Trạm y tế xã

- Phối hợp các trường triển khai công tác y tế học đường; khám sức khỏe định kỳ; phòng chống dịch bệnh.

- Tuyên truyền dinh dưỡng học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn bán trú.

6. Các trường: Mầm non – Tiểu học – THCS

- Xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm học gắn với Kế hoạch UBND xã.
- Quản lý tốt đội ngũ, chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất và hồ sơ trường chuẩn quốc gia.

- Báo cáo kết quả định kỳ cho UBND xã (thông qua phòng VH–XH).

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

- Ủy ban MTTQ xã vận động nhân dân tham gia xã hội hóa giáo dục; hỗ trợ xây dựng môi trường giáo dục an toàn.

- Phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức của hội viên về vai trò giáo dục.

- Tổ chức các mô hình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; phong trào “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách: Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, học sinh, mua sắm trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ dạy và học...

- Nguồn khác: Vận động các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để bổ sung thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND xã: Chỉ đạo chung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ; kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch.

Các phòng chuyên môn: Thực hiện đúng nhiệm vụ theo phân công.

Các trường học: Chủ động triển khai; phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn của xã.

Các đoàn thể: Tăng cường tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện.

Định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm: Phòng VH-XH báo cáo tiến độ UBND xã.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về UBND xã (qua phòng Văn hóa – Xã hội) để xem xét điều chỉnh.

Trên đây là Kế hoạch của UBND xã về việc nâng cao chất lượng giáo dục và nâng cấp cơ sở vật chất trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Nam Thanh Miện, giai đoạn 2025 – 2030. Các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- UB MTTQ; CA, Trạm YT;
- Các trường MN, TH, THCS xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Văn Nguyễn

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2025 – 2030
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2025 của UBND xã Nam Thanh Miện
giai đoạn 2025 – 2030)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng năm 2025	Mục tiêu 2025-2028	Mục tiêu đến năm 2030
1	Chất lượng học sinh				
1.1	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non	%	99	100	100
1.2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông	%	97,5	≥ 98	≥ 99
1.3	Tỷ lệ HS xếp loại học tập + rèn luyện “Hoàn thành” trở lên (TH) / “Đạt” trở lên (THCS) hàng năm	%	96	98	98
1.4	Tỷ lệ học sinh đạt hoàn thành tốt + hoàn thành xuất sắc (Tiểu học / THCS)	%	68 / 72	75 / 80	80 / 85
1.5	Tỷ lệ học sinh khá - giỏi (cả hai cấp Tiểu học và THCS)	%	70	80	85
2	Đội ngũ giáo viên – cán bộ quản lý				
2.1	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định Luật Giáo dục 2019	%	94	100	100
2.2	Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn	%	28	≥ 30	≥ 50
2.3	Tỷ lệ giáo viên ứng dụng tốt CNTT trong dạy học và kiểm tra, đánh giá	%	78	100	100
2.4	Tỷ lệ CBQL, GV được bồi dưỡng định kỳ hàng năm	%	92	100	100
3	Cơ sở vật chất – trường chuẩn quốc gia				
3.1	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	65	≥ 90	100
3.2	Số phòng học, phòng bộ môn, nhà đa năng xây mới	Phòng	0	42	68
3.3	Số trường giữ vững và đạt chuẩn quốc gia mức 2	Trường	2	2	5
3.4	Tỷ lệ phòng học được trang bị máy chiếu/TV/bảng tương tác thông minh	%	55	100	100
3.5	Tỷ lệ trường có thư viện đạt chuẩn / thư viện tiên tiến	%	70 / 10	100 / 30	100 / 50
3.6	Tỷ lệ trường có ít nhất 01-02 phòng học bộ môn thông minh	%	30	100	100
3.7	Tỷ lệ trường có nhà đa năng	%	50	100	100
3.8	Tỷ lệ trường có sân chơi – bãi tập đạt chuẩn (mái che, cây xanh, thiết bị ngoài trời)	%	60	90	100

3.9	Tỷ lệ trường có hệ thống camera an ninh và thiết bị họp trực tuyến	%	70	80	100
3.10	Tỷ lệ trường có hệ thống camera thông minh (AI nhận diện)	%	0	10	50
4	Chuyển đổi số trong giáo dục				
4.1	Tỷ lệ trường áp dụng học bạ điện tử và chữ ký số	%	55	90	100
4.2	Tỷ lệ giáo viên sử dụng giáo án điện tử	%	82	100	100
4.3	Tỷ lệ trường sử dụng phần mềm quản lý nhà trường và K12Online	%	35	80	100
4.4	Tỷ lệ lớp học số hóa (đủ 4 tiêu chí cơ sở vật chất, học liệu số, hoạt động dạy học số, quản lý số)	%	40	60	80
4.5	Tỷ lệ lớp THCS tích hợp AI vào dạy học STEM/STEAM	%	12	50	90
4.6	Tỷ lệ lớp Tiểu học tích hợp AI vào dạy học STEM/STEAM	%	5	20	60
4.7	Tỷ lệ lớp Mầm non sử dụng ứng dụng học tập tương tác	%	0	10	20